

Số: 1245/TB-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất gói mua sắm hàng hóa: Mua sắm các gói đồ vải, gói đi sanh

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm.

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08/4/2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-BVPSTG ngày 11/6/2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm các gói đồ vải, gói đi sanh;

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm nộp Hồ sơ đề xuất cung cấp hàng hóa, cụ thể như sau:

#### 1. Thông tin chung về Bên mua

a) Đơn vị mua: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang. Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

b) Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

#### 2. Danh mục hàng hóa cần mua và phương án chia phần

2.1. Gói mua sắm được tổ chức theo 04 phần độc lập. Nhà cung cấp được nộp Hồ sơ đề xuất cho một phần hoặc nhiều phần nếu đáp ứng yêu cầu; trong mỗi phần tham gia phải chào đầy đủ danh mục thuộc phần đó. Việc đánh giá, chấm điểm, xếp hạng và đề nghị lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện riêng, độc lập đối với từng phần.

Stt	Phần	Tên phần/hàng hóa
1	Phần 1	Bộ khăn sanh mổ, gồm 1.1 và 1.2
2	Phần 2	Bộ khăn sinh thường
3	Phần 3	Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng
4	Phần 4	Bộ sản phẩm đi sanh

2.2. Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa cần mua được thể hiện tại Phụ lục 01 kèm theo Thông báo này.

2.3. Số lượng nêu tại Phụ lục 01 là số lượng dự kiến theo nhu cầu sử dụng; số

lượng thực mua theo hợp đồng và tiến độ cung cấp thực tế do Bệnh viện xác nhận.

2.4. Hàng hóa cung cấp nhiều kỳ theo dự trù của Bệnh viện trong thời gian thực hiện hợp đồng; thời gian giao hàng cụ thể thực hiện theo yêu cầu tại Thông báo, Hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo và hợp đồng ký kết.

### **3. Điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa**

Không áp dụng; gói mua sắm này không có điều kiện đặt thiết bị kèm theo.

### **4. Yêu cầu chung đối với hàng hóa và nhà cung cấp**

4.1. Hàng hóa phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định.

4.2. Hàng hóa phải phù hợp với tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất, nhà phân phối hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; không được thấp hơn yêu cầu kỹ thuật cơ bản nêu tại Phụ lục 01.

4.3. Hàng hóa có hạn dùng phải còn tối thiểu 3/4 tổng hạn dùng tại thời điểm giao hàng, trừ trường hợp Bệnh viện chấp thuận khác bằng văn bản.

4.4. Hàng hóa vô trùng phải có tài liệu chứng minh điều kiện tiệt trùng, phiếu kiểm nghiệm/chứng nhận chất lượng hoặc tài liệu tương đương phù hợp từng lô hàng khi giao hàng.

4.5. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương hợp lệ; có mã số thuế và đang hoạt động theo quy định; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với hàng hóa chào cung cấp.

4.6. Có khả năng cung cấp đầy đủ, đúng tiến độ, đúng chất lượng toàn bộ danh mục thuộc phần tham gia.

4.7. Có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, chứng minh bằng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương.

4.8. Báo giá rõ ràng, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

### **5. Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp**

Nhà cung cấp nộp 01 bộ Hồ sơ đề xuất, gồm:

<b>Stt</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Nội dung yêu cầu</b>
1	Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá	Theo mẫu kèm Thông báo; ký tên, đóng dấu; ghi rõ phần tham gia.
2	Hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp	Đăng ký doanh nghiệp; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp; mã số thuế; giấy ủy quyền nếu người ký không phải người đại diện theo pháp luật.

Stt	Thành phần hồ sơ	Nội dung yêu cầu
3	Báo giá chi tiết từng mặt hàng	Tên hàng hóa; tên thương mại/mã hàng; hãng/nước sản xuất; quy cách; ĐVT; số lượng; đơn giá; thành tiền; thuế và chi phí đã gồm trong giá; hiệu lực báo giá tối thiểu ... ngày.
4	Hồ sơ pháp lý của hàng hóa	Hồ sơ công bố, số lưu hành/giấy phép nhập khẩu hoặc tài liệu pháp lý tương đương nếu thuộc trường hợp phải có theo quy định.
5	Tài liệu kỹ thuật	Catalogue, hướng dẫn sử dụng, phiếu thông tin sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, tài liệu chứng minh tiết trùng/kiểm nghiệm hoặc tương đương.
6	Năng lực, kinh nghiệm	Hồ sơ năng lực; tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự; tài liệu thể hiện khả năng cung ứng ổn định.
7	Cam kết	Tiến độ giao hàng; bảo hành, đổi trả; hỗ trợ xử lý hàng hóa lỗi, không đạt chất lượng; không thông đồng, thỏa thuận làm sai lệch kết quả lựa chọn.
8	Ý kiến đối với Dự thảo hợp đồng	Chấp thuận hoặc nêu rõ nội dung đề nghị điều chỉnh, lý do điều chỉnh.
9	Tài liệu khác	Tài liệu nhà cung cấp thấy cần thiết để chứng minh năng lực, chất lượng hàng hóa và khả năng thực hiện.

Hồ sơ không hợp lệ, không đầy đủ nội dung bắt buộc hoặc nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét. Nội dung Hồ sơ đề xuất, nếu nhà cung cấp được lựa chọn và thông nhất qua thương thảo, là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu; Bệnh viện không hoàn trả Hồ sơ đề xuất đã nộp.

## **6. Nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp**

6.1. Việc lựa chọn thực hiện trên cơ sở hiệu quả tổng thể của phương án cung cấp: chất lượng hàng hóa; tính phù hợp với nhu cầu sử dụng; năng lực cung ứng; kinh nghiệm thực hiện; điều kiện giao hàng, kiểm nghiệm, bảo hành, hỗ trợ sau bán hàng và giá chào. Bệnh viện không lựa chọn nhà cung cấp chỉ căn cứ vào giá thấp nhất.

6.2. Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm tối thiểu và có tổng điểm cao nhất theo Mục 7. Việc đánh giá, chấm điểm, xếp hạng và đề nghị lựa chọn được thực hiện riêng, độc lập đối với từng phần.

6.3. Kết quả đánh giá được tổng hợp thành bảng chấm điểm, có nhận xét đối với từng nhà cung cấp, làm căn cứ thương thảo và lập hồ sơ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

## **7. Tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất**

### **7.1. Điều kiện bắt buộc (đạt/không đạt). Nhà cung cấp chỉ được đưa vào**

**chấm điểm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:**

- a) Tư cách pháp lý hợp lệ, ngành nghề kinh doanh phù hợp, đang hoạt động theo quy định;
- b) Hồ sơ nộp đúng thời hạn, đúng địa điểm, có chữ ký, đóng dấu hoặc xác thực hợp lệ;
- c) Báo giá hợp lệ, còn hiệu lực, thể hiện rõ tên hàng hóa, thông số kỹ thuật, đơn giá, thành tiền, tổng giá trị chào và các chi phí đã bao gồm trong giá chào;
- d) Hàng hóa chào cung cấp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại Phụ lục 01 đối với phân tham gia;
- đ) Có tài liệu kỹ thuật, catalogue, phiếu kiểm nghiệm/chứng nhận chất lượng hoặc tài liệu tương đương chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật và chất lượng hàng hóa;
- e) Có cam kết giao hàng, bảo hành, đổi trả hàng hóa lỗi, hàng hóa không đạt chất lượng; cung cấp phiếu kiểm nghiệm/chứng từ chất lượng từng lô hàng khi giao hàng nếu áp dụng;
- g) Không có dấu hiệu tài liệu không trung thực, thông đồng, dàn xếp kết quả hoặc hành vi làm sai lệch quá trình đánh giá.

Kết quả đánh giá điều kiện bắt buộc được lập thành bảng, ghi rõ tài liệu căn cứ đối với từng điều kiện của từng nhà cung cấp.

**7.2. Tiêu chí và mức điểm**

Mỗi tiêu chí được chấm theo một trong ba mức điểm cố định quy định dưới đây; không cho điểm ngoài ba mức quy định. Việc xếp mức căn cứ tài liệu có trong Hồ sơ đề xuất; nội dung không có tài liệu chứng minh thì không được tính khi xếp mức.

<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức 1</b>	<b>Mức 2</b>	<b>Mức 3</b>
1. Chất lượng, kỹ thuật hàng hóa (tối đa 40)	40: 100% danh mục thuộc phân tham gia có thông số bằng hoặc tốt hơn yêu cầu; có tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, phiếu kiểm nghiệm/chứng nhận tiết trùng hoặc tương đương rõ ràng, phù hợp.	32: 100% danh mục thuộc phân tham gia đạt yêu cầu; tài liệu chứng minh của một số nội dung không chủ yếu cần làm rõ thêm.	24: Đạt yêu cầu kỹ thuật tối thiểu sau khi qua điều kiện bắt buộc.
2. Cung ứng, giao nhận, kiểm nghiệm, bảo hành và hỗ trợ sau bán hàng (tối đa 20)	20: Chứng minh nguồn cung, khả năng giao hàng ổn định; cam kết lượng hóa thời gian giao hàng, đổi trả, xử lý hàng lỗi; cung cấp đầy đủ chứng từ chất lượng/phiếu kiểm nghiệm từng lô hàng khi giao.	14: Có đầy đủ cam kết nhưng chưa lượng hóa rõ thời hạn hoặc chưa chứng minh đầy đủ nguồn cung ổn định.	8: Cam kết ở mức tối thiểu theo Thông báo.

<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức 1</b>	<b>Mức 2</b>	<b>Mức 3</b>
3. Kinh nghiệm, năng lực nhà cung cấp (tối đa 10)	10: Có từ 03 hợp đồng tương tự có nghiệm thu/thanh lý/hóa đơn, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng với cơ sở y tế.	6: Có 01-02 hợp đồng tương tự có tài liệu chứng minh.	2: Chưa chứng minh được hợp đồng tương tự nhưng hồ sơ pháp lý và cam kết cơ bản hợp lệ.
4. Giá và hiệu quả kinh tế (tối đa 30)	Tính theo giá trung bình hợp lệ tại Mục 7.4.		

### **7.3. Phương pháp chấm và tổng hợp điểm**

Bệnh viện tổ chức đánh giá Hồ sơ đề xuất trên cơ sở điều kiện bắt buộc, tiêu chí chấm điểm, mức điểm và tài liệu do nhà cung cấp nộp theo Thông báo này. Nội dung không có tài liệu chứng minh trong Hồ sơ đề xuất thì không được tính điểm.

Kết quả đánh giá được tổng hợp thành bảng chấm điểm, có nhận xét đối với từng nhà cung cấp, làm căn cứ thương thảo và lập hồ sơ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

### **7.4. Cách tính điểm giá theo giá trung bình hợp lệ**

a) Điểm giá được tính theo công thức: Điểm giá = (Giá trung bình hợp lệ / Giá của nhà cung cấp đang xét) x [điểm tối đa của tiêu chí giá].

Điểm giá của nhà cung cấp không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí giá quy định tại Thông báo này. Nhà cung cấp có giá chào bằng hoặc thấp hơn giá trung bình hợp lệ được tính điểm tối đa của tiêu chí giá; việc xếp hạng giữa các nhà cung cấp này được quyết định bởi các tiêu chí chất lượng, kỹ thuật, năng lực, kinh nghiệm và hiệu quả tổng thể của Hồ sơ đề xuất.

b) Giá trung bình hợp lệ là trung bình cộng các báo giá hợp lệ của các nhà cung cấp đáp ứng điều kiện bắt buộc và được đưa vào chấm điểm. Trường hợp gói mua sắm chia phần, giá trung bình hợp lệ và điểm giá được xác định riêng, độc lập cho từng phần.

c) Giá dùng để tính điểm là giá đã bao gồm thuế, phí, vận chuyển, giao hàng, bốc xếp, kiểm nghiệm, bảo hành và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Thông báo, Hồ sơ đề xuất và Dự thảo hợp đồng.

d) Trường hợp giá chào thấp bất thường hoặc có dấu hiệu không đủ để thực hiện gói mua sắm, Bệnh viện yêu cầu nhà cung cấp giải trình, làm rõ cơ sở hình thành giá và khả năng thực hiện theo giá đã chào. Nhà cung cấp không giải trình, giải trình không hợp lý hoặc không chứng minh được khả năng thực hiện theo giá đã chào thì Hồ sơ đề xuất không được xem xét lựa chọn và báo giá đó không được đưa vào tính giá trung bình hợp lệ.

đ) Trường hợp nhà cung cấp được xem xét lựa chọn có giá chào thấp hơn đáng kể so với giá trung bình hợp lệ nhưng giải trình hợp lý và chứng minh được khả năng thực hiện, Bệnh viện có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp kiểm soát trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng: yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp; không tạm ứng hoặc giảm tỷ lệ tạm ứng; thanh toán theo từng đợt giao hàng được nghiệm thu; tổ chức giao hàng đợt đầu với số lượng phù hợp để kiểm chứng năng lực cung ứng; quy định cụ thể chế tài vi phạm tiến độ, chất lượng và quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định.

### **7.5. Ngưỡng lựa chọn và xếp hạng**

Nhà cung cấp được đề xuất lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc và có tổng điểm từ 70/100 trở lên, trong đó điểm chất lượng, kỹ thuật hàng hóa đạt tối thiểu 30/40 điểm và điểm cung ứng, giao nhận, kiểm nghiệm, bảo hành, hỗ trợ sau bán hàng đạt tối thiểu 10/20 điểm. Việc xếp hạng thực hiện theo tổng điểm từ cao xuống thấp đối với từng phần.

Trường hợp đồng điểm, ưu tiên theo thứ tự: điểm chất lượng, kỹ thuật hàng hóa cao hơn; điểm cung ứng, giao nhận, kiểm nghiệm, bảo hành, hỗ trợ sau bán hàng cao hơn; kinh nghiệm phù hợp hơn; giá chào thấp hơn. Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất cho gói hoặc cho một phần, Bệnh viện vẫn xem xét lựa chọn nếu đáp ứng điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm và giá hợp lý so với mặt bằng giá, khả năng cân đối kinh phí.

### **8. Thời hạn và địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất**

8.1. Thời hạn nộp: **Trước 11 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2026.**

8.2. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; hồ sơ đóng gói, dán kín, niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, phần tham gia, tên nhà cung cấp, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

8.3. Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức - Hành chính (Bộ phận Văn thư), Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Nhà cung cấp được nộp bổ sung, làm rõ hoặc thay thế Hồ sơ đề xuất trước thời hạn nộp tại khoản 8.1. Hồ sơ nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét, trừ trường hợp Bệnh viện thông báo gia hạn; chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu, Bệnh viện không hoàn trả hồ sơ.

8.5. Trong quá trình đánh giá, Bệnh viện có quyền yêu cầu nhà cung cấp làm rõ nội dung Hồ sơ đề xuất bằng văn bản. Việc làm rõ không được làm thay đổi bản chất hàng hóa chào cung cấp, giá chào và các nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp.

8.6. Trường hợp cần thiết, Bệnh viện sửa đổi, bổ sung nội dung Thông báo bằng văn bản và công khai theo cùng phương thức phát hành Thông báo này; thời hạn nộp được gia hạn tương ứng nếu việc sửa đổi ảnh hưởng đến việc chuẩn bị Hồ sơ đề xuất.

## **9. Trách nhiệm của nhà cung cấp**

9.1. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất; bảo đảm hàng hóa đúng như Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật và hợp đồng ký kết.

9.2. Không thay đổi chủng loại, mã hàng, model, hãng sản xuất, nước sản xuất, thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói, tiêu chuẩn chất lượng khi chưa có văn bản chấp thuận của Bệnh viện.

9.3. Trường hợp phát hiện tài liệu không trung thực, hàng hóa không đúng cam kết hoặc nhà cung cấp không bảo đảm khả năng thực hiện, Bệnh viện có quyền từ chối lựa chọn, hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt hợp đồng hoặc xử lý theo hợp đồng và quy định liên quan.

9.4. Nhà cung cấp cam kết không thông đồng, không thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

## **10. Trách nhiệm của Bệnh viện**

10.1. Tổ chức tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất khách quan, minh bạch, căn cứ nhu cầu chuyên môn, tiêu chí đánh giá và hồ sơ do nhà cung cấp nộp.

10.2. Giám đốc Bệnh viện căn cứ kết quả đánh giá, kết quả thẩm định, nhu cầu sử dụng, tính hợp lý của giá và hiệu quả tổng thể để quyết định lựa chọn nhà cung cấp; có quyền không lựa chọn hoặc hủy việc mua sắm khi hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, giá không hợp lý hoặc việc mua sắm không còn phù hợp nhu cầu thực tế.

10.3. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp là căn cứ để hai bên thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo quy định.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo và mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia nộp Hồ sơ đề xuất theo nội dung nêu trên./.

*Đính kèm:*

- 1) Phụ lục danh mục hàng hóa;
- 2) Mẫu Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá;
- 3) Phụ lục báo giá hàng hóa
- 4) Dự thảo Hợp đồng.

### **Nơi nhận:**

- Phổ biến rộng rãi;
- Trang thông tin điện tử Bệnh viện;
- Trang muasamcong;
- Các khoa, phòng có liên quan;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA**

*(Kèm theo Thông báo số 1245/TB-BVPSTG ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang)*

**I. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA**

Stt	Phần/lô	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	1.1	Bộ khăn sanh mổ	Bộ	2.000
2	1.2	Bộ khăn sanh mổ	Bộ	2.000
3	2	Bộ khăn sinh thường	Bộ	4.000
4	3	Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng	Bộ	8.000
5	4	Bộ sản phẩm đi sanh	Bộ	1.000

**Tổng cộng: 05 mặt hàng thuộc 04 phần độc lập.**

**II. YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN**

**1. Phần/lô 1.1 - Bộ khăn sanh mổ (2.000 Bộ)**

Bộ khăn sanh mổ gồm các thành phần sau:

a) 01 khăn không thấm (140cm x 200cm)  $\pm 5$ cm; cấu tạo từ hai lớp: lớp plastic màu và lớp vải không dệt; cả hai lớp đều không thấm nước.

b) 04 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm: vải spunlace, mềm mại, không đổ lông vải, khả năng thấm hút tốt; dùng để lau tay.

c) 02 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm: vải airlaid, mềm mại, không đổ lông vải, khả năng thấm hút tốt; dùng để thấm Betadine, chất lỏng.

d) 01 khăn đa dụng (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm: cấu tạo từ vải bán thấm; sử dụng phủ bàn mayo hoặc mục đích phù hợp khác.

đ) 01 tấm phủ bụng bệnh nhân (180cm x 320cm)  $\pm 5$ cm; vải không dệt 5 lớp không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện; có lỗ (30cm x 30cm)  $\pm 2$ cm với màng phẫu thuật; có vùng thấm hút đặc biệt, túi chứa dịch lỏng 270 độ ở vùng phẫu trường, có 4 tấm cố định ống dây.

e) 01 túi phủ bàn mayo hai lớp (60cm x 100cm)  $\pm 5$ cm; cấu tạo từ plastic màu, gia cố lớp bán thấm.

f) 02 khăn em bé (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm; vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt; dùng để lau khô và giữ ấm cho em bé.

g) 03 áo bảo hộ chống thấm size L (130cm x 150cm)  $\pm 5$ cm; vải không dệt 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện; phần thân áo gia cố thêm một lớp vải không dệt.

h) 01 áo ống Kangaroo kích thước rộng 40cm x dài 42cm; chất liệu vải thun lạnh co giãn 4 chiều, màu hồng trơn, chất vải dày, có độ bóng, không thấm nước, mặt vải trơn láng không nổi gân, khi kéo giãn không bị mỏng, không gây kích ứng da trẻ sơ sinh.

i) Tất cả các thành phần nêu trên được đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 11135:2014, ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương.

**2. Phần/lô 1.2 - Bộ khăn sanh mổ (2.000 Bộ)**

Bộ khăn sanh mổ gồm các thành phần sau:

- a) 01 khăn không thấm (140cm x 200cm)  $\pm 5$ cm; cấu tạo từ hai lớp: lớp plastic màu và lớp vải không dệt; cả hai lớp đều không thấm nước.
- b) 04 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm: vải spunlace, mềm mại, không đồ lông vải, khả năng thấm hút tốt; dùng để lau tay.
- c) 02 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm: vải airlaid, mềm mại, không đồ lông vải, khả năng thấm hút tốt; dùng để thấm Betadine, chất lỏng.
- d) 01 khăn đa dụng (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm: cấu tạo từ vải bán thấm; sử dụng phủ bàn mayo hoặc mục đích phù hợp khác.
- đ) 01 tấm phủ bụng bệnh nhân (180cm x 320cm)  $\pm 5$ cm; vải không dệt 5 lớp không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện; có lỗ (30cm x 30cm)  $\pm 2$ cm với màng phẫu thuật; có vùng thấm hút đặc biệt, túi chứa dịch lỏng 270 độ ở vùng phẫu trường, có 4 tấm cố định ống dây.
- e) 01 túi phủ bàn mayo hai lớp (60cm x 100cm)  $\pm 5$ cm; cấu tạo từ plastic màu, gia cố lớp bán thấm.
- f) 02 khăn em bé (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm; vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt; dùng để lau khô và giữ ấm cho em bé.
- g) 03 áo bảo hộ chống thấm size L (130cm x 150cm)  $\pm 5$ cm; vải không dệt 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện; phần thân áo gia cố thêm một lớp vải không dệt.
- h) 01 áo ống Kangaroo kích thước rộng 48cm x dài 45cm; chất liệu vải thun lạnh co giãn 4 chiều, màu xanh biển trơn, chất vải dày, có độ bóng, không thấm nước, mặt vải trơn láng không nổi gân, khi kéo giãn không bị mỏng, không gây kích ứng da trẻ sơ sinh.
- i) Tất cả các thành phần nêu trên được đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 11135:2014, ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương.

### **3. Phần/lô 2 - Bộ khăn sinh thường (4.000 Bộ)**

Bộ khăn sinh thường gồm các thành phần sau:

- a) 01 khăn không thấm (120cm x 140cm)  $\pm 5$ cm: cấu tạo từ hai lớp plastic màu và vải không dệt; cả hai lớp đều không thấm nước; dùng để trải bàn đựng dụng cụ.
- b) 01 khăn em bé (60cm x 100cm)  $\pm 5$ cm: vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt; dùng để lau khô cho em bé.
- c) 01 khăn đa năng (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm: vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt; dùng để quấn và giữ ấm cho em bé.
- d) 01 khăn trải không túi (80cm x 90cm)  $\pm 5$ cm: cấu tạo từ vải bán thấm; dùng lót dưới bông sản phụ khi may tầng sinh môn.
- đ) 01 khăn trải có túi (80cm x 90cm)  $\pm 5$ cm: cấu tạo từ màng plastic màu không thấm nước, gia cố vùng thấm hút đặc biệt, thấm hút nhanh và chống thấm ngược; có túi chứa dịch với thang đo lượng chất lỏng, thể tích đo tối đa 2000ml; dùng lót dưới bông sản phụ để chứa dịch và đo lượng máu mất khi sinh.
- e) 01 tạp dề (90cm x 140cm)  $\pm 5$ cm: cấu tạo từ màng PE, cổ tròn.

f) 02 tấm lót mông (40cm x 70cm)  $\pm 2$ cm: làm từ vải không dệt siêu mềm mại, hạt siêu thấm, bông cellulose, PE, chun, polymer kết dính; cấu tạo từ màng plastic màu không thấm nước.

g) Tất cả các thành phần nêu trên được đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 11135:2014, ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương.

#### **4. Phần/lô 3 - Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng (8.000 Bộ)**

Bộ đồ đón bé chào đời gồm các thành phần sau:

a) 01 áo bằng vải 100% cotton, mềm mại, không sờ lông, không gây kích ứng cho trẻ sơ sinh; chiều dài áo 30cm  $\pm 2$ cm, chiều ngang áo 23cm  $\pm 2$ cm, độ rộng cổ áo 9cm  $\pm 0,5$ cm, độ dài cổ áo 5cm  $\pm 0,5$ cm, độ dài tay áo 17cm  $\pm 0,5$ cm, độ rộng tay áo 8cm  $\pm 0,5$ cm, độ dài dây buộc 14cm-18cm; in logo Bệnh viện trên ngực áo.

b) 01 mũ bằng vải 100% cotton, mềm mại, không sờ lông, không gây kích ứng cho trẻ sơ sinh; dài nón 12cm  $\pm 0,5$ cm, băng thun bo nón 4cm  $\pm 0,5$ cm, ngang nón 16cm  $\pm 0,5$ cm, cửa bo thun nón rộng 15cm  $\pm 0,5$ cm; in logo Bệnh viện mặt trước nón.

c) 02 tã sơ sinh, tã dán, hình thang, dùng 01 lần, bằng vải không dệt, bông cellulose, hạt siêu thấm, có chun co giãn, không gây kích ứng cho trẻ sơ sinh; kích thước ngang phía sau 30cm  $\pm 2$ cm, ngang phía trước 16cm  $\pm 2$ cm, cao 32cm  $\pm 2$ cm.

d) 01 đôi bao tay bằng vải 100% cotton, mềm mại, không sờ lông, không gây kích ứng; dài bao tay 11cm  $\pm 0,5$ cm, băng thun bo bao tay 2cm  $\pm 0,5$ cm, ngang bao tay 7cm  $\pm 0,5$ cm, cửa bo bao tay rộng 3cm  $\pm 0,5$ cm.

đ) 01 đôi bao chân bằng vải 100% cotton, mềm mại, không sờ lông, không gây kích ứng; dài bao chân 11,5cm  $\pm 0,5$ cm, băng thun bo bao chân 2cm  $\pm 0,5$ cm, ngang bao chân 7,5cm  $\pm 0,5$ cm, cửa bo bao chân rộng 3,5cm  $\pm 0,5$ cm.

e) 01 khăn bằng vải 100% cotton, mềm mại, thấm hút tốt, không sờ lông, không gây kích ứng trẻ sơ sinh; kích thước (60cm x 120cm)  $\pm 5$ cm; cân nặng 215g  $\pm 5$ g; dùng quấn cho em bé.

g) 02 khăn sữa lau bé bằng vải 100% cotton, mềm mại, không sờ lông, không gây kích ứng; kích thước (25cm x 25cm)  $\pm 2$ cm.

h) 01 khăn lau bé bằng vải 100% cotton, có viền vắt xô bằng sợi tơ tổng hợp màu hồng hoặc xanh, mềm mại, thấm hút tốt, không sờ lông, không gây kích ứng; kích thước (60cm x 80cm)  $\pm 5$ cm.

i) Quy cách màu sắc: đồ cho bé gái áo trắng viền hồng, khăn quấn màu hồng, nón, bao tay, bao chân màu trắng viền hồng; đồ cho bé trai áo trắng viền xanh biển, khăn quấn màu xanh biển, nón, bao tay, bao chân màu trắng viền xanh biển; tỷ lệ 50% màu xanh biển và 50% màu hồng hoặc thay đổi theo đơn đặt hàng của Bệnh viện.

k) Tất cả các thành phần nêu trên được đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương; có phiếu kiểm nghiệm chất liệu sợi 100% cotton và hàm lượng Formaldehyde đối với áo, mũ, bao tay, bao chân, khăn sữa và khăn quấn bé.

#### **5. Phần/lô 4 - Bộ sản phẩm đi sanh (1.000 Bộ)**

Bộ sản phẩm gồm:

- a) Miếng lót giường khám bệnh x 05 miếng: dùng một lần, cấu tạo từ PE và PP gồm một mặt thấm, một mặt không thấm; thấm hút nhanh, không thấm ngược; đóng gói 5 miếng/gói; kích thước 60cm x 100cm.
- b) Miếng lót sản phụ x 05 miếng: băng vệ sinh chuyên dụng thấm hút sản dịch sau sinh; cấu tạo từ vải không dệt, bột cotton siêu mịn và hạt polymer siêu thấm; thoáng khí, bề mặt mềm mại, không thấm ngược; độ thấm hút khoảng 365ml; đóng gói 5 miếng/gói; kích thước 18cm x 48,5cm.
- c) Miếng lót giường x 01 miếng: dùng một lần, vải không dệt một mặt thấm, một mặt không thấm; thấm hút nhanh, không thấm ngược; độ thấm hút khoảng 1100ml; phù hợp cho sản phụ sử dụng tại giường ngay sau khi sanh; đóng gói 1 miếng/gói; kích thước 60cm x 90cm.
- d) Quần lót dùng 01 lần x 04 cái: cấu tạo từ 100% cotton, không chứa vật liệu dễ gây kích ứng da, phù hợp làn da nhạy cảm trước và sau khi sanh; đáy quần cotton bản rộng, ôm sát, dễ cố định miếng lót sản phụ; kích thước khác nhau từ 82cm-110cm; đóng gói 4 cái/gói.
- đ) Miếng lót thấm sữa x 08 cái: mềm mại, thấm hút tốt, ngăn sữa rỉ ra áo, khô thoáng, vệ sinh, không gây kích ứng; bề mặt vải không dệt, chất thấm hút polymer siêu thấm, bột giấy cotton; kích thước 11,5cm x 10cm; đóng gói 8 cái/gói.
- e) Túi vải không dệt x 01 túi: chắc chắn, độ bền cao, có khóa kéo, in sẵn logo Bệnh viện, màu hồng; kích thước dài 45cm x cao 35cm x rộng 20cm.

**PHỤ LỤC 02**  
**MẪU VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ**

*(Kèm theo Thông báo số 1245/TB-BVPSTG ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ**  
**Gói mua sắm: Mua sắm các gói đồ vải, gói đi sanh**

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Căn cứ Thông báo số /TB-BVPSTG ngày tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang;

Sau khi nghiên cứu đầy đủ Thông báo mời nộp Hồ sơ đề xuất, danh mục hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí đánh giá, dự thảo hợp đồng và các yêu cầu liên quan, chúng tôi lập và gửi Hồ sơ đề xuất, báo giá với các nội dung sau:

**I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP**

<b>Tên nhà cung cấp</b>	
Địa chỉ trụ sở	
Mã số thuế	
Điện thoại/Email	
Người đại diện theo pháp luật/Chức vụ	
Tài khoản ngân hàng	

**II. PHẦN THAM GIA**

<b>Phần</b>	<b>Tên phần</b>	<b>Đăng ký tham gia (có/không)</b>	<b>Ghi chú</b>
Phần 1	Bộ khăn sanh mổ, gồm 1.1 và 1.2		
Phần 2	Bộ khăn sinh thường		
Phần 3	Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng		
Phần 4	Bộ sản phẩm đi sanh		

**III. HỒ SƠ PHÁP LÝ, NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Nhà cung cấp kê khai và đính kèm các tài liệu chứng minh gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp; hồ sơ năng lực; tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự; tài liệu chứng minh khả năng cung ứng ổn định và các tài liệu hợp pháp khác có liên quan.

Stt	Tên hợp đồng/tài liệu	Bên mua/đơn vị sử dụng	Thời gian thực hiện	Giá trị, kết quả hoặc tài liệu chứng minh
1				
2				
3				
4				

#### IV. ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA VÀ BÁO GIÁ

Nhà cung cấp cam kết hàng hóa đề xuất cung cấp là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Thông báo, được cung cấp đúng số lượng, đúng tiến độ, đúng chất lượng theo Hồ sơ đề xuất và hợp đồng nếu được lựa chọn.

1. Bảng báo giá: Đính kèm theo Phụ lục báo giá hàng hóa.

2. Bảng kê khai đáp ứng kỹ thuật: Nhà cung cấp kê khai rõ thông số kỹ thuật hàng hóa đề xuất và tài liệu chứng minh kèm theo. Nội dung không có tài liệu chứng minh phù hợp có thể không được chấm điểm hoặc chỉ được chấm ở mức tối thiểu tùy tính chất nội dung.

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu của Bệnh viện	Đặc tính và thông số kỹ thuật đề xuất	Tài liệu chứng minh
1				
2				
3				
4				
5				

#### V. CAM KẾT VỀ GIAO HÀNG, BẢO HÀNH

1. Tiến độ giao hàng: Trong vòng ..... ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc theo thời hạn khác được hai bên thống nhất trong hợp đồng.

2. Địa điểm giao hàng: Kho Khoa Dược hoặc địa điểm khác do Bệnh viện chỉ định,

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm trong quá trình vận chuyển, bốc xếp, giao hàng.

4. Hàng hóa bị lỗi, không đúng thông số, không đúng chủng loại, không đáp ứng yêu cầu nghiệm thu phải được nhà cung cấp đổi mới, thay thế hoặc khắc phục theo yêu cầu của Bệnh viện mà không phát sinh thêm chi phí.

## **VI. XÁC NHẬN ĐỐI VỚI DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

Nhà cung cấp xác nhận đã đọc, hiểu và chấp nhận dự thảo hợp đồng kèm theo Thông báo. Trường hợp có đề nghị điều chỉnh điều khoản hợp đồng, nhà cung cấp phải nêu rõ điều khoản đề nghị điều chỉnh, nội dung đề nghị điều chỉnh và lý do cụ thể tại bảng dưới đây. Nếu không có đề nghị điều chỉnh, ghi “Không có”.

<b>Stt</b>	<b>Điều khoản dự thảo hợp đồng</b>	<b>Nội dung đề nghị điều chỉnh</b>	<b>Lý do đề nghị điều chỉnh</b>
1			
2			
3			

## **VII. CAM KẾT CHUNG CỦA NHÀ CUNG CẤP**

1. Hồ sơ đề xuất, báo giá và toàn bộ tài liệu đính kèm là trung thực, chính xác, hợp pháp; nhà cung cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về toàn bộ nội dung đã kê khai, cam kết.

2. Không thay đổi chủng loại, mã hàng, hãng sản xuất, xuất xứ, đặc tính và thông số kỹ thuật hàng hóa khi chưa được Bệnh viện chấp thuận bằng văn bản.

3. Cung cấp hàng hóa đúng tiến độ, đúng số lượng, đúng chất lượng, đúng Hồ sơ đề xuất và hợp đồng đã ký; phối hợp nghiệm thu, xử lý sự cố, bảo hành, đổi trả hàng hóa lỗi và thanh quyết toán theo quy định.

4. Không thông đồng, thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

5. Chấp nhận việc Bệnh viện kiểm tra, đối chiếu tính hợp lệ của tài liệu, yêu cầu làm rõ Hồ sơ đề xuất và xử lý theo Thông báo, hợp đồng nếu phát hiện tài liệu không trung thực hoặc hàng hóa không đúng cam kết./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 03**  
**BÁO GIÁ HÀNG HÓA**

(Đính kèm Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá ngày tháng năm 2026 của [tên nhà cung cấp])

Stt	Phần /lô	Tên thương mại	Tên hàng hóa	Đặc tính và thông số kỹ thuật	ĐVT	Chủng loại (Model/Ký hiệu mã)	Hãng sản xuất - Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1.1		Bộ khăn sanh mỗ		Bộ			2.000		
2	1.2		Bộ khăn sanh mỗ		Bộ			2.000		
3	2		Bộ khăn sinh thường		Bộ			4.000		
4	3		Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng		Bộ			8.000		
5	4		Bộ sản phẩm đi sanh		Bộ			1.000		
<b>Tổng cộng</b>										

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng, bảo hành, kiểm nghiệm/chứng từ chất lượng và toàn bộ chi phí liên quan để bàn giao hàng hóa sử dụng được tại Bệnh viện.

Thời hạn hiệu lực của báo giá: ..... ngày kể từ ngày nộp Hồ sơ đề xuất, nhưng không thấp hơn thời hạn yêu cầu tại Thông báo.

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP  
BỆNH VIỆN  
PHỤ SẢN TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HD-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày tháng 6 năm 2026

**HỢP ĐỒNG**  
**Mua bán các gói đồ vải, gói đi sanh**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-BVPSTG ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm các gói đồ vải, gói đi sanh;

Căn cứ Thông báo số ...../TB-BVPSTG ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất mua sắm các gói đồ vải, gói đi sanh;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất và báo giá ngày ..... tháng ..... năm 2026 của [tên nhà cung cấp];

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BVPSTG ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;

Căn cứ nhu cầu sử dụng các gói đồ vải, gói đi sanh phục vụ hoạt động chuyên môn của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và khả năng cung cấp của Nhà cung cấp.

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm có:

**Bên mua (Bên A):** Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông/Bà ..... Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 02733 887 160.

Mã số thuế: 1200530091.

Tài khoản số: ..... tại .....

**Bên bán (Bên B):** [TÊN NHÀ CUNG CẤP]

Địa chỉ: .....

Đại diện: Ông/Bà ..... Chức vụ: .....

Điện thoại: .....

Mã số thuế: .....

Tài khoản số: ..... tại .....

Sau khi bàn bạc trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, trung thực, phù hợp nhu cầu và khả năng thực hiện, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua các gói đồ vải, gói đi sanh theo 04 phần độc lập được phê duyệt, gồm: Phần 1: Bộ khăn sanh mủ (gồm 1.1 và 1.2); Phần 2: Bộ khăn sinh thường; Phần 3: Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng; Phần 4: Bộ sản phẩm đi sanh.

Danh mục hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền, yêu cầu kỹ thuật và các thông tin cụ thể được xác định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Hợp đồng này. Các phụ lục là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Trường hợp Bên B chỉ được phê duyệt lựa chọn đối với một hoặc một số phần, Hợp đồng chỉ có hiệu lực đối với phần, danh mục, số lượng và giá trị đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Bên B phải cung cấp đúng tên hàng hóa, tên thương mại, chủng loại, ký hiệu mã, hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và các cam kết trong Hồ sơ đề xuất, báo giá, biên bản thương thảo và Hợp đồng này. Bên A không chấp nhận thay đổi hàng hóa, thành phần bộ sản phẩm, chất liệu, kích thước, quy cách đóng gói, màu sắc hoặc tiêu chuẩn chất lượng khi chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

### **Điều 2. Giá trị hợp đồng và nguyên tắc giá**

Tổng giá trị Hợp đồng: ..... đồng

Bằng chữ: .....

Giá trị Hợp đồng được xác định theo kết quả lựa chọn nhà cung cấp và Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này.

Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí sản xuất, đóng gói, tiết trùng nếu có, kiểm nghiệm, vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Bệnh viện, bảo hành, đổi trả hàng hóa lỗi, hỗ trợ xử lý phát sinh và toàn bộ chi phí cần thiết để bàn giao hàng hóa sử dụng được tại Bệnh viện.

Đơn giá không thay đổi trong thời gian hiệu lực Hợp đồng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, được người có thẩm quyền của Bên A chấp thuận và phù hợp quy định nội bộ của Bên A.

Bên A chỉ thanh toán theo số lượng hàng hóa thực tế được giao, nghiệm thu đạt yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ; Bên A không có nghĩa vụ thanh toán đối với hàng hóa không được đặt hàng, không được nghiệm thu hoặc bị từ chối tiếp nhận.

### **Điều 3. Chất lượng, quy cách, tiêu chuẩn và hồ sơ pháp lý của hàng hóa**

Hàng hóa do Bên B cung cấp phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, bảo đảm chất lượng, đúng đặc tính và thông số kỹ thuật tại Phụ lục 02 kèm theo Hợp đồng này.

Hàng hóa phải phù hợp tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất, nhà phân phối hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; không được thấp hơn yêu cầu kỹ thuật của Bên A đã nêu trong Thông báo mời nộp Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ đề xuất và Hợp đồng này.

Đối với hàng hóa yêu cầu tiệt trùng, Bên B phải bảo đảm tình trạng tiệt trùng còn hiệu lực tại thời điểm giao hàng; bao gói tiệt trùng nguyên vẹn, không rách, không hở, không ẩm mốc, không biến dạng, không có dấu hiệu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Đối với hàng hóa dùng cho trẻ sơ sinh, sản phụ hoặc sử dụng trong môi trường chuyên môn y tế, Bên B phải bảo đảm chất liệu an toàn, không gây kích ứng, không sổ lông, không có mùi lạ, không chứa yếu tố ảnh hưởng đến an toàn người bệnh theo tiêu chuẩn công bố và hồ sơ kỹ thuật đã chào.

Khi giao hàng, Bên B phải cung cấp đầy đủ hồ sơ kèm theo lô hàng, gồm: phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ, tài liệu chứng minh nguồn gốc/xuất xứ nếu có, phiếu kiểm nghiệm hoặc chứng từ chất lượng theo yêu cầu của từng phần, tài liệu kỹ thuật hoặc hồ sơ liên quan khác theo yêu cầu quản lý của Bên A.

Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không đúng Hợp đồng, không đúng Hồ sơ đề xuất, không đủ hồ sơ, không bảo đảm chất lượng, không đáp ứng tiêu chuẩn tiệt trùng hoặc không phù hợp nhu cầu chuyên môn.

#### **Điều 4. Thời gian, địa điểm và phương thức giao nhận**

Thời gian giao hàng: Trong vòng ..... ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực hoặc theo từng đơn đặt hàng/dự trù của Bên A trong thời gian thực hiện Hợp đồng. Trường hợp Thông báo, Hồ sơ đề xuất hoặc biên bản thương thảo quy định thời hạn giao hàng cụ thể thì áp dụng thời hạn đó.

Địa điểm giao hàng: Kho Khoa Dược hoặc địa điểm khác do Bên A chỉ định tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng hóa trong quá trình giao hàng và giao hàng tận nơi theo yêu cầu của Bên A.

Khi giao hàng, hai bên kiểm tra số lượng, chủng loại, quy cách, tình trạng bao bì, hồ sơ kèm theo và lập Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa. Biên bản giao nhận, nghiệm thu là căn cứ xác định số lượng, chất lượng hàng hóa được tiếp nhận và làm cơ sở thanh toán.

Việc Bên A ký biên bản giao nhận không làm mất quyền của Bên A trong việc yêu cầu đổi trả, xử lý hoặc từ chối thanh toán đối với hàng hóa phát hiện không đạt chất lượng, không đúng Hợp đồng trong quá trình kiểm tra, sử dụng hoặc đối chiếu hồ sơ sau đó.

#### **Điều 5. Nghiệm thu hàng hóa**

Hàng hóa được nghiệm thu trên cơ sở đối chiếu Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, phiếu kiểm nghiệm hoặc chứng từ chất lượng kèm theo.

Nội dung nghiệm thu tối thiểu gồm: tên hàng hóa, phân/lô, số lượng, đơn vị tính, quy cách, thành phần bộ sản phẩm, tình trạng bao bì, tình trạng tiết trùng nếu có, hồ sơ kèm theo, kết luận đạt hoặc không đạt.

Bên A có quyền kiểm tra xác suất, kiểm tra thực tế từng bộ sản phẩm, đối chiếu thành phần bên trong bộ sản phẩm và yêu cầu Bên B giải trình, bổ sung hồ sơ hoặc đổi trả hàng hóa nếu phát hiện không phù hợp.

Hàng hóa chỉ được xem là hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi được Bên A nghiệm thu đạt yêu cầu và không còn nội dung phải khắc phục tại thời điểm nghiệm thu.

### **Điều 6. Bảo hành, đổi trả và xử lý hàng hóa không đạt**

Bên B chịu trách nhiệm bảo hành, đổi trả hàng hóa lỗi, hàng hóa không đúng chủng loại, không đúng quy cách, không đúng thành phần bộ sản phẩm, không đạt chất lượng, bao bì không nguyên vẹn, không bảo đảm tiết trùng hoặc không đáp ứng yêu cầu sử dụng.

Thời hạn bảo hành: ..... tháng kể từ ngày nghiệm thu, trừ trường hợp hàng hóa có thời hạn bảo hành hoặc cam kết chất lượng dài hơn theo hồ sơ của nhà sản xuất hoặc Hồ sơ đề xuất của Bên B thì áp dụng thời hạn có lợi hơn cho Bên A.

Trong thời hạn ..... ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Bên A về hàng hóa không đạt, Bên B phải đổi mới, thay thế hoặc khắc phục theo yêu cầu của Bên A mà không làm phát sinh thêm chi phí cho Bên A.

Trường hợp Bên B không thực hiện đổi trả, khắc phục đúng thời hạn hoặc hàng hóa tiếp tục không đạt yêu cầu, Bên A có quyền từ chối nghiệm thu, tạm dừng thanh toán, khấu trừ nghĩa vụ thanh toán, mua hàng hóa thay thế từ nguồn khác và yêu cầu Bên B chịu trách nhiệm đối với chi phí, thiệt hại phát sinh nếu có.

### **Điều 7. Thanh toán**

Bên A thanh toán cho Bên B theo giá trị hàng hóa thực tế đã giao, đã được nghiệm thu đạt yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Bên B ghi tại phần thông tin các bên của Hợp đồng này.

Hồ sơ thanh toán gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa; phiếu giao hàng/phiếu xuất kho hoặc tài liệu tương đương; hồ sơ chứng minh nguồn gốc, chất lượng, phiếu kiểm nghiệm/chứng từ chất lượng nếu có yêu cầu; các tài liệu khác theo quy định của Bên A.

Thời hạn thanh toán: Trong vòng ..... ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, phù hợp khả năng cân đối nguồn tài chính của Bên A.

Bên A có quyền tạm giữ, khấu trừ hoặc chưa thanh toán đối với phần giá trị hàng hóa đang tranh chấp, hàng hóa không đạt, thiếu hồ sơ hợp lệ, đang chờ đổi trả hoặc đang chờ Bên B khắc phục vi phạm.

### **Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm bảo hành**

Tùy kết quả thương thảo, mức độ rủi ro, giá chào và tính chất từng phần, Bên A có quyền yêu cầu Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức bảo lãnh ngân hàng, ký quỹ hoặc hình thức phù hợp khác trước khi Hợp đồng có hiệu lực.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: .....% giá trị phần hợp đồng được ký kết. Thời hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng phải kéo dài đến khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, nghiệm thu và xử lý xong các nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng.

Bên A có quyền xử lý bảo đảm thực hiện hợp đồng để bù đắp thiệt hại, chi phí phát sinh hoặc nghĩa vụ chưa thực hiện của Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm tiến độ, chất lượng, từ chối thực hiện Hợp đồng hoặc không khắc phục hàng hóa không đạt.

Trường hợp có bảo đảm bảo hành, Bên A được giữ lại hoặc yêu cầu bảo lãnh tương ứng .....% giá trị hàng hóa đã nghiệm thu cho đến khi hết thời hạn bảo hành hoặc đến khi Bên B hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ bảo hành, đổi trả.

### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, quy cách, thành phần bộ sản phẩm, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm và hồ sơ đã thỏa thuận.

Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hàng hóa; yêu cầu Bên B cung cấp, bổ sung, làm rõ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hàng hóa.

Từ chối nhận hàng, yêu cầu đổi trả, tạm dừng thanh toán hoặc xử lý vi phạm khi hàng hóa không đúng Hợp đồng, không bảo đảm chất lượng hoặc Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Thanh toán cho Bên B theo giá trị hàng hóa đã nghiệm thu đạt yêu cầu và hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc phần Hợp đồng liên quan khi Bên B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, không khắc phục trong thời hạn do Bên A yêu cầu hoặc không còn khả năng cung cấp hàng hóa theo Hợp đồng.

### **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

Cung cấp hàng hóa đúng danh mục, phần/lô, số lượng, chất lượng, quy cách, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, hồ sơ pháp lý và tiến độ theo Hợp đồng.

Bảo đảm hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, an toàn khi sử dụng trong môi trường y tế, phù hợp với nhu cầu sử dụng của Bên A và đúng cam kết tại Hồ sơ đề xuất.

Không được tự ý thay đổi hàng hóa, mã hàng, chất liệu, kích thước, màu sắc, thành phần bộ sản phẩm, quy cách đóng gói, tiêu chuẩn chất lượng, hãng sản xuất hoặc nước sản xuất khi chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ cho từng đợt giao hàng và hồ sơ thanh toán theo yêu cầu của Bên A.

Chịu trách nhiệm đổi trả, khắc phục hàng hóa lỗi, hàng hóa không đạt, hàng hóa không đúng cam kết; chịu mọi chi phí phát sinh do lỗi thuộc trách nhiệm của Bên B.

Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu việc cung cấp hàng hóa không đúng cam kết gây ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, an toàn người bệnh, quyền lợi của người sử dụng hoặc gây thiệt hại cho Bên A.

Cam kết không thông đồng, không thỏa thuận với nhà cung cấp khác, không cung cấp tài liệu không trung thực, không thực hiện hành vi làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc quá trình thực hiện Hợp đồng.

### **Điều 11. Vi phạm hợp đồng và xử lý vi phạm**

Trường hợp Bên B giao hàng chậm, giao thiếu, giao không đúng chủng loại, không đúng quy cách, không đủ thành phần bộ sản phẩm, không đúng chất lượng hoặc không đủ hồ sơ theo cam kết, Bên A có quyền từ chối nhận hàng, yêu cầu giao lại hàng, yêu cầu đổi trả, tạm dừng thanh toán, khấu trừ nghĩa vụ thanh toán hoặc áp dụng chế tài theo Hợp đồng.

Trường hợp Bên B không khắc phục vi phạm trong thời hạn do Bên A yêu cầu, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc phần Hợp đồng liên quan, lựa chọn nhà cung cấp khác để bảo đảm nhu cầu sử dụng và yêu cầu Bên B chịu trách nhiệm đối với chi phí, thiệt hại phát sinh nếu có.

Mức phạt vi phạm Hợp đồng do hai bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết nhưng không vượt quá mức pháp luật cho phép. Việc phạt vi phạm không làm mất quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của bên bị vi phạm.

Trường hợp phát hiện Hồ sơ đề xuất, tài liệu kỹ thuật, tài liệu pháp lý, chứng từ chất lượng hoặc cam kết của Bên B không trung thực, Bên A có quyền hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt Hợp đồng, từ chối thanh toán phần chưa đủ điều kiện và xử lý theo quy định liên quan.

### **Điều 12. Bảo mật thông tin, an toàn và phối hợp thực hiện**

Bên B và nhân sự của Bên B khi giao hàng, hỗ trợ, xử lý phát sinh tại Bệnh viện phải tuân thủ quy định về an ninh, an toàn, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo mật thông tin và các quy định nội bộ hợp lý của Bên A.

Bên B không được sử dụng hình ảnh, thông tin, tài liệu, dữ liệu hoặc tên Bệnh viện cho mục đích quảng cáo, thương mại hoặc mục đích khác khi chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

Hai bên phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trên nguyên tắc bảo đảm hoạt động chuyên môn, an toàn người bệnh, hiệu quả sử dụng hàng hóa và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

### **Điều 13. Bất khả kháng**

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất và cung cấp tài liệu chứng minh nếu có.

Hai bên phối hợp xử lý hậu quả của sự kiện bất khả kháng trên nguyên tắc hạn chế thiệt hại, bảo đảm nhu cầu sử dụng hàng hóa của Bên A và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

### **Điều 14. Chấm dứt hợp đồng**

Hợp đồng chấm dứt khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Hợp đồng chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc phần Hợp đồng liên quan nếu Bên B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, không khắc phục trong thời hạn do Bên A yêu cầu, không còn khả năng cung cấp hàng hóa hoặc hàng hóa không bảo đảm yêu cầu sử dụng.

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận hợp pháp của hai bên.

### **Điều 15. Giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước hết được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải giữa hai bên.

Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để giải quyết theo quy định pháp luật.

### **Điều 16. Điều khoản chung**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày ..... tháng ..... năm 2026 theo thỏa thuận của hai bên và hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trừ các nghĩa vụ về bảo hành, bảo mật, bồi thường, xử lý vi phạm và nghĩa vụ khác còn tiếp tục theo thỏa thuận.

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp của hai bên và không được làm thay đổi trái với kết quả lựa chọn nhà cung cấp đã được phê duyệt, trừ trường hợp được người có thẩm quyền của Bên A chấp thuận theo quy định.

Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

Các phụ lục, Hồ sơ đề xuất, báo giá, biên bản thương thảo, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và các văn bản liên quan là căn cứ để giải thích, thực hiện Hợp đồng. Trường hợp có mâu thuẫn, thứ tự ưu tiên áp dụng là: Hợp đồng; Phụ lục Hợp đồng; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; biên bản thương thảo; Thông báo mời nộp Hồ sơ đề xuất; Hồ sơ đề xuất và báo giá của Bên B.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ GIÁ HỢP ĐỒNG**

*(Kèm theo Hợp đồng số ...../HD-BVPSTG ngày ...../...../2026)*

<b>Stt</b>	<b>Phần</b>	<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (+VAT)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	1.1	Bộ khăn sanh mủ	Bộ	2.000			
2	1.2	Bộ khăn sanh mủ	Bộ	2.000			
3	2	Bộ khăn sinh thường	Bộ	4.000			
4	3	Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng	Bộ	8.000			
5	4	Bộ sản phẩm đi sanh	Bộ	1.000			
<b>Tổng giá trị hợp đồng</b>							

Bảng chữ: .....

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 02**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT CỦA HÀNG HÓA**  
*(Kèm theo Hợp đồng số ...../HD-BVPSTG ngày ...../...../2026)*

**1. Phần 1.1: Bộ khăn sanh mổ**

Bộ khăn sanh mổ gồm: a) 01 khăn không thấm (140cm x 200cm)  $\pm 5$ cm, cấu tạo hai lớp: lớp plastic màu và lớp vải không dệt, không thấm nước; b) 04 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm, vải spunlace, mềm mại, không đổ lông vải, thấm hút tốt, dùng lau tay; c) 02 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm, vải airlaid, mềm mại, không đổ lông vải, thấm hút tốt, dùng thấm Betadine/chất lỏng; d) 01 khăn đa dụng (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, vải bán thấm; đ) 01 tấm phủ bụng bệnh nhân (180cm x 320cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt 5 lớp, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, có lỗ (30cm x 30cm)  $\pm 2$ cm với màng phẫu thuật, vùng thấm hút đặc biệt, túi chứa dịch lỏng 270 độ ở vùng phẫu trường, 4 tấm cố định ống dây; e) 01 khăn phủ bàn mayo hai lớp (60cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, plastic màu và gia cố lớp bán thấm; g) 02 khăn em bé (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt; h) 03 áo bảo hộ chống thấm size L (130cm x 150cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện, thân áo gia cố thêm lớp vải không dệt; i) 01 áo ống Kangaroo kích thước rộng 40cm x dài 42cm, chất liệu vải thun lạnh co giãn 4 chiều, màu hồng trơn, vải dày, có độ bóng, không thấm nước, mặt vải trơn láng không nổi gân, khi kéo giãn không bị mỏng, không gây kích ứng da trẻ sơ sinh; k) Tất cả đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 11135:2014, ISO 13485:2016, CE.

**2. Phần 1.2: Bộ khăn sanh mổ**

Bộ khăn sanh mổ gồm: a) 01 khăn không thấm (140cm x 200cm)  $\pm 5$ cm, cấu tạo hai lớp: lớp plastic màu và lớp vải không dệt, không thấm nước; b) 04 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm, vải spunlace, mềm mại, không đổ lông vải, thấm hút tốt, dùng lau tay; c) 02 khăn thấm (30cm x 40cm)  $\pm 5$ cm, vải airlaid, mềm mại, không đổ lông vải, thấm hút tốt, dùng thấm Betadine/chất lỏng; d) 01 khăn đa dụng (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, vải bán thấm; đ) 01 tấm phủ bụng bệnh nhân (180cm x 320cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt 5 lớp, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, có lỗ (30cm x 30cm)  $\pm 2$ cm với màng phẫu thuật, vùng thấm hút đặc biệt, túi chứa dịch lỏng 270 độ ở vùng phẫu trường, 4 tấm cố định ống dây; e) 01 khăn phủ bàn mayo hai lớp (60cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, plastic màu và gia cố lớp bán thấm; g) 02 khăn em bé (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt; h) 03 áo bảo hộ chống thấm size L (130cm x 150cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện, thân áo gia cố thêm lớp vải không dệt; i) 01 áo ống Kangaroo kích thước rộng 48cm x dài 45cm, chất liệu vải thun lạnh co giãn 4 chiều, màu xanh biển trơn, vải dày, có độ bóng, không thấm nước, mặt vải trơn láng không nổi gân, khi kéo giãn không bị mỏng, không gây kích ứng da trẻ sơ sinh; k) Tất cả đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 11135:2014, ISO 13485:2016, CE.

### 3. Phần 2: Bộ khăn sinh thường

Bộ khăn sinh thường gồm: a) 01 khăn không thấm (120cm x 140cm)  $\pm 5$ cm, cấu tạo hai lớp: lớp plastic màu và lớp vải không dệt, không thấm nước, dùng trải bàn đựng dụng cụ; b) 01 khăn em bé (60cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt, dùng lau khô em bé; c) 01 khăn đa năng (90cm x 100cm)  $\pm 5$ cm, vải không dệt mềm mại, thấm hút tốt, dùng quấn và giữ ấm em bé; d) 01 khăn trải không túi (80cm x 90cm)  $\pm 5$ cm, vải bán thấm, dùng lót dưới mông sản phụ may tăng sinh môn; đ) 01 khăn trải có túi (80cm x 90cm)  $\pm 5$ cm, màng plastic màu không thấm nước, gia cố vùng thấm hút đặc biệt, thấm hút nhanh, chống thấm ngược, có túi chứa dịch với thang đo lượng chất lỏng, thể tích tối đa 2000ml; e) 01 tạp dề (90cm x 140cm)  $\pm 5$ cm, cấu tạo từ màng PE, cổ tròn; g) 02 tấm lót mông (40cm x 70cm)  $\pm 2$ cm, vải không dệt siêu mềm mại, hạt siêu thấm, bông cellulose, PE, chun, polyme kết dính, màng plastic màu không thấm nước; h) Tất cả đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 11135:2014, ISO 13485:2016, CE.

### 4. Phần 3: Bộ đồ đón bé chào đời, vô trùng

Bộ đồ đón bé chào đời gồm: a) 01 áo vải 100% cotton, mềm mại, không sổ lông, không gây kích ứng, dài áo 30cm  $\pm 2$ cm, ngang áo 23cm  $\pm 2$ cm, rộng cổ 9cm  $\pm 0,5$ cm, dài cổ 5cm  $\pm 0,5$ cm, dài tay 17cm  $\pm 0,5$ cm, rộng tay 8cm  $\pm 0,5$ cm, dây buộc 14cm-18cm, in logo bệnh viện trên ngực áo; b) 01 mũ 100% cotton, dài nón 12cm  $\pm 0,5$ cm, bảng thun bo nón 4cm  $\pm 0,5$ cm, ngang nón 16cm  $\pm 0,5$ cm, cửa bo thun nón rộng 15cm  $\pm 0,5$ cm, in logo bệnh viện mặt trước nón; c) 02 tã sơ sinh/tã dán dùng một lần bằng vải không dệt, bông cellulose, hạt siêu thấm, có chun co giãn, kích thước ngang sau 30cm  $\pm 2$ cm, ngang trước 16cm  $\pm 2$ cm, cao 32cm  $\pm 2$ cm; d) 01 đôi bao tay 100% cotton, dài 11cm  $\pm 0,5$ cm, bảng thun bo 2cm  $\pm 0,5$ cm, ngang 7cm  $\pm 0,5$ cm, cửa bo rộng 3cm  $\pm 0,5$ cm; đ) 01 đôi bao chân 100% cotton, dài 11,5cm  $\pm 0,5$ cm, bảng thun bo 2cm  $\pm 0,5$ cm, ngang 7,5cm  $\pm 0,5$ cm, cửa bo rộng 3,5cm  $\pm 0,5$ cm; e) 01 khăn 100% cotton, mềm mại, thấm hút tốt, không sổ lông, kích thước (60cm x 120cm)  $\pm 5$ cm, cân nặng 215g  $\pm 5$ g; g) 02 khăn sữa lau bé 100% cotton, kích thước (25cm x 25cm)  $\pm 2$ cm; h) 01 khăn lau bé 100% cotton, có viền vắt sổ bằng sợi tơ tổng hợp màu, kích thước (60cm x 80cm)  $\pm 5$ cm. Ghi chú màu: 50% màu xanh biển dành cho bé trai và 50% màu hồng dành cho bé gái hoặc theo đơn đặt hàng của Bệnh viện. Tất cả đóng gói thành 01 bộ trong túi ép y tế, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE; có phiếu kiểm nghiệm chất liệu sợi 100% cotton và hàm lượng Formaldehyde đối với áo, mũ, bao tay, bao chân, khăn sữa và khăn quấn bé.

### 5. Phần 4: Bộ sản phẩm đi sanh

Bộ sản phẩm gồm: a) Miếng lót giường khám bệnh x 05 miếng, dùng một lần, cấu tạo từ PE và PP gồm một mặt thấm, một mặt không thấm, kích thước 60cm x 100cm, đóng gói 5 miếng/gói; b) Miếng lót sản phụ x 05 miếng, băng vệ sinh chuyên dụng thấm hút sản dịch, cấu tạo từ vải không dệt, bột cotton siêu mịn và hạt polymer siêu thấm, độ thấm hút khoảng 365ml, kích thước 18cm x 48,5cm, đóng gói 5 miếng/gói; c) Miếng lót giường x 01 miếng, dùng một lần, vải không dệt, một mặt thấm, một mặt không thấm, độ thấm hút khoảng 1100ml, kích thước 60cm x 90cm, đóng gói 1 miếng/gói; d) Quần lót dùng một lần x 04 cái, cấu tạo từ 100% cotton, không chứa vật liệu dễ gây kích ứng da,

kích thước khác nhau từ 82cm-110cm, đóng gói 4 cái/gói; đ) Miếng lót thấm sữa x 08 cái, bề mặt vải không dệt, chất thấm hút polymer siêu thấm, bột giấy cotton, kích thước 11,5cm x 10cm, đóng gói 8 cái/gói; e) Túi vải không dệt x 01 túi, chắc chắn, có khóa kéo, in logo bệnh viện, màu hồng, kích thước dài 45cm x cao 35cm x rộng 20cm.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 03**

**MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN, NGHIỆM THU HÀNG HÓA**

*(Kèm theo Hợp đồng số ...../HĐ-BVPSTG ngày ...../...../2026)*

Hôm nay, vào lúc ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, hai bên tiến hành giao nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa theo Hợp đồng số ...../HĐ-BVPSTG, với nội dung sau:

Stt	Phần	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng giao	Số lượng đạt	Tình trạng bao bì/tiệt trùng	Hồ sơ kèm theo	Kết luận

Kết luận nghiệm thu:  Đạt yêu cầu, đề nghị tiếp nhận và làm căn cứ thanh toán.  Chưa đạt yêu cầu, Bên B phải khắc phục/đổi trả theo nội dung sau:

.....

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 04**  
**MẪU PHIẾU GHI NHẬN HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT, ĐỔI TRẢ, BẢO HÀNH**  
*(Kèm theo Hợp đồng số ...../HD-BVPSTG ngày ...../...../2026)*

1. Thời gian ghi nhận: ..... giờ ..... phút, ngày ...../...../2026.
2. Khoa/phòng/kho phát hiện: .....
3. Tên hàng hóa, phân/lô: .....
4. Số lượng bị lỗi/không đạt: .....
5. Nội dung không phù hợp:  Không đúng chủng loại  Không đủ thành phần bộ sản phẩm  Bao bì rách/hở/ấm  Không bảo đảm tiệt trùng  Không đúng chất liệu/kích thước/màu sắc  Không có/thiếu hồ sơ  Lỗi khác: .....
6. Yêu cầu xử lý:  Đổi mới  Bổ sung hồ sơ  Thu hồi  Khắc phục  Hình thức khác: .....
7. Thời hạn Bên B phải xử lý: Trước ..... giờ ..... phút, ngày ...../...../2026.
8. Kết quả xử lý của Bên B: .....
9. Kết luận của Bên A sau xử lý:  Đạt yêu cầu  Không đạt yêu cầu, tiếp tục xử lý theo Hợp đồng./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*